

Sài Gòn trong quá trình Nam Bộ hội nhập với khu vực thế kỷ XIX

• Trần Thuận

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Từ buổi đầu khai mở đất phương Nam, Sài Gòn đã sớm thể hiện vị trí trung tâm của cả vùng Nam bộ với sức lan tỏa mạnh mẽ. Sài Gòn cũng là nơi sớm tiếp nhận ảnh hưởng của văn minh phương Tây để có quá trình đô thị hóa nhanh chóng. Thế kỷ XIX, Sài Gòn đã hội nhập mạnh mẽ và trở thành đầu tàu đưa Nam

bộ hội nhập vào khu vực và thế giới. Thực dân Pháp đánh chiếm Gia Định đã đầu tư xây dựng Sài Gòn thành một trung tâm hành chính, thủ phủ của cả xứ Nam kỳ, biến Sài Gòn thành một trung tâm thương mại quốc tế. Một Sài Gòn thay da đổi thịt và nhanh chóng trở thành “Hòn ngọc Viễn Đông”.

Từ khóa: Sài Gòn, Sài Gòn - Chợ Lớn, Gia Định thành, Thành Phiên An, Gia Định báo, Cảng Sài Gòn, Nhà thờ Đức Bà, Bưu điện Sài Gòn

1. Sài Gòn trước khi thực dân Pháp chiếm đóng

Trong bài viết *Bến Nghé - Sài Gòn dòng sông thời gian*, Huỳnh Ngọc Trảng xúc cảm mạnh mẽ trước câu ca dao: *Nhà Bè nước chảy chia hai / Ai về Gia Định Đồng Nai thì về*, ông viết, “*Câu hát dân gian, mà chính xác có lẽ là câu hò chèo ghe cổ xưa, của vùng đất phương Nam này chỉ ra một điều khá trùng hợp với ghi chép trong thư tịch Hán Nôm cổ: Ở ngã ba Tam Giang trên sông Nhà Bè là một giao thủy, phía Nam có nước ngọt sông Phước Long (tên gọi của sông Đồng Nai) và phía Bắc có nước lợ sông Tân Bình, tục danh là sông Bến Nghé – dòng sông dài từ giao thủy Tam Giang ấy chảy đến tận thượng nguồn Bương Đàm (Tây Ninh): Dòng sông và những nhánh nhóc của nó đã đưa những lưu dân đến những vùng đất mới của xứ Gia Định – Sài Gòn khẩn hoang lập nghiệp; và theo thời gian, dòng sông này đã đưa các luồng giao lưu văn hóa từ bên ngoài vào cũng như lan tỏa ra các vùng đất xa xôi hơn, nhất là khi cái bến dưới sông đầy sấu lội này trở thành Bến Thành và các đoạn sông đào đã nối*

nó với Sài Gòn phố thị (Chợ Lớn) xuống tới đồng bằng sông Cửu Long”¹.

Quả thực là vậy. Năm 1698 kinh lược sứ Nguyễn Hữu Cảnh được chúa Nguyễn cử vào Nam để lấy đất Nông Nại đặt thành phủ Gia Định, rồi lập xứ Sài Gòn, đặt huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn. Từ đó Sài Gòn trở thành một trung tâm hành chính, văn hóa, kinh tế, thương mại quan trọng. Vào thời ấy, Sài Gòn đã có phố thị Bến Nghé, ban đầu là tên cái bến sông nằm ở ngã ba, nơi kinh Chợ Lớn đổ ra sông Sài Gòn, sau đó kinh Chợ Lớn lại được gọi là kinh Bến Nghé. Đến thế kỷ XVIII - XIX, dân gian thường dùng tên gọi Bến Nghé để chỉ thành Gia Định, hoặc cả vùng Sài Gòn nói chung. Bên cạnh phố thị Bến Nghé có xã Minh Hương của người Hoa, quen gọi là Chợ Lớn. Từ 1772, Sài Gòn đã trở thành một đô thị khá sầm uất. Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi lấy hiệu là Gia Long, ông cho đổi phủ Gia Định thành trấn Gia Định, đồng thời cho các dinh đổi thành các trấn, (gồm Phiên An,

¹ Huỳnh Ngọc Trảng, *Bến Nghé – Sài Gòn dòng sông thời gian*, bài viết in trong *Sài Gòn xưa và nay*, Nhiều tác giả (2007), Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 317 - 328.

Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Thanh và Hà Tiên) nằm dưới sự cai quản của trấn Gia Định. Thời kỳ này được gọi là “Gia Định ngũ trấn”². Đến năm 1808, Gia Long chia cả nước ra làm 4 dinh gồm 25 trấn, đồng thời đặt ra hai thành ở hai miền Bắc Nam là Bắc Thành và Gia Định Thành để tiện việc cai quản³. Trấn Gia Định được đổi thành Gia Định Thành và cai quản 5 trấn: Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Thanh, Định Tường và An Giang⁴. Năm Minh Mạng thứ 13 (1832), sau khi Lê Văn Duyệt mất, nhà vua bãi bỏ chức Tổng trấn, chia miền Nam Việt Nam ra làm 6 tỉnh là: Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên (gọi chung là Nam kỳ lục tỉnh), Gia Định Thành bị giải tán từ năm ấy. Tháng Năm (âm lịch) năm 1833, Lê Văn Khôi khởi binh chiếm thành Phiên An, tháng Tám (âm lịch) năm đó, Minh Mạng cho đổi tỉnh Phiên An thành tỉnh Gia Định⁵. Năm 1861, người Pháp xác định địa giới thành phố như sau: phía Đông là sông Sài Gòn, phía Bắc là rạch Thị Nghè, phía Tây từ chùa Cây Mai tới đôn Kỳ Hòa, phía Nam là Phú Lâm, với tổng diện tích là 25 km². Năm 1865, Pháp tách Chợ Lớn ra khỏi Sài Gòn.

Sự phồn vinh của Bến Nghé - Sài Gòn là sự tiếp nối của Nông Nại Đại Phố một thời đô hội. Cuộc chiến tranh giữa Nguyễn Ánh với Tây Sơn đã tàn phá Nông Nại Đại Phố, góp phần đẩy nhanh tốc độ tàn lụi của nó và tăng tốc cho sự phát triển của phố thị Sài Gòn (Chợ Lớn sau này) và tiếp đó, thành Gia Định (thành Bát Quái, thành Qui) được thành lập theo ý đồ chính trị của Nguyễn Ánh, tức Gia Định kinh. Bến Nghé trở thành thành thị với thành Quy và chợ nằm trên bến sông sát đó là chợ Bến Thành

cũ⁶. Bến Thành trở thành chợ chính, là đầu mối của một hệ thống chợ khắp vùng. Từ đó, dòng sông Bến Nghé chạy về phía Tây liền với sông Bình Dương (nay có tên là rạch Bến Nghé) ăn xuống An Thông mà tục danh gọi là sông Sài Gòn – đường thủy nổi xuống miền Tây đồng bằng sông Cửu Long. Chợ phố Sài Gòn, nằm trên bờ sông Sài Gòn, đã dần dần giành mất vai trò của Cù lao Phố; Thanh Hà ở Biên Hòa cũng bị làng Minh Hương thay thế. Như vậy, có thể nói, từ cuối thế kỷ XVIII, Bến Nghé - Sài Gòn đã là một thành thị đô hội. Và trong nửa đầu thế kỷ XIX, Bến Nghé - Sài Gòn là thương cảng quan trọng nhất của Nam bộ. Thuyền buôn nước ngoài đến Sài Gòn - Bến Nghé tấp nập, nhất là thuyền buôn Trung Hoa.

Theo Crawford thì ở Việt Nam có Sài Gòn và Kê Chợ là hai thương cảng buôn bán nhiều nhất với Trung Hoa. Tại Sài Gòn, hàng năm có khoảng 30 thuyền buôn với trọng tải tổng cộng khoảng 6.500 tàu đến buôn bán, chia ra như sau:

- 15 đến 25 thuyền buồm của Hải Nam có sức chở từ 2.000 đến 2.500 tạ (picul) mỗi chiếc.
- 2 thuyền buồm của Quảng Châu, một có sức chở 5.000 tạ, một: 8.000 tạ.
- 1 thuyền của Amoy có sức chở 7.000 tạ.
- 6 thuyền của cảng Saocheu (tỉnh Giang Nam) có sức chở 6.000, 7.000 tạ mỗi chiếc⁷. Trong khi đó Hội An có 16 chiếc, trọng tải tổng cộng 3.000 tấn. Huế có 12 chiếc, trọng tải tổng cộng 2.500 tấn; các cảng ở Bắc bộ có 38 chiếc, trọng tải tổng cộng 5.000 tấn.

Hải cảng Cần Giờ tốt nhất Gia Định. Ngược sông Bến Nghé, đến thành Gia Định tức Sài Gòn. Tàu buôn và ghe lớn nhỏ của bản quốc và ngoại

² Nguyễn Đình Đầu (1987), “Địa lý lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh”, trong *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh* (tập 1). Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 196.

³ Huỳnh Minh (2006), *Gia Định xưa*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, tr. 12.

⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Quốc triều sử toát yếu. Phần Chính biên*, Nxb. Văn học, tr. 96.

⁵ Theo *Quốc triều sử toát yếu*, Sđd, tr. 205 và Nguyễn Đình Đầu, Sđd, tr. 209.

⁶ Chợ Bến Thành hiện nay được xây dựng vào những năm 1912 - 1914. Chợ Bến Thành (cũ) đã có từ trước khi người Pháp chiếm Gia Định. Ban đầu, vị trí của chợ nằm bên bờ sông Bến Nghé, cạnh một bến sông gần thành Quy. Bến này dùng để cho khách vãng lai và quân nhân vào thành, vì vậy mới có tên gọi là Bến Thành, và khu chợ cũng có tên gọi là chợ Bến Thành. Đầu thế kỷ XX, chợ xuống cấp, xập xệ, người Pháp phá bỏ và chuyển sang vị trí hiện nay.

⁷ Crawford, *Journal of an Embassy from the Governor general of India to the Courts of Stam and Cochinchina*, 2d ed, London, 1830 vol. II, tr. 317.

quốc liên tiếp đến đàu, trông thấy trụ buồm liên lạc, làm ra một đại đô hội⁸. Nằm trên vị trí ưu việt đó, Sài Gòn thật sự là đầu mối giao thông quan trọng của cả nước. Đúng như Trịnh Hoài Đức viết, “*Gia Định là chỗ đô hội thương thuyền của cả nước, cho nên trăm món hàng hóa phải tụ hội ở đây*”⁹. Sài Gòn là trung tâm thương nghiệp của Nam bộ mà cũng là nơi xuất nhập khẩu quan trọng với nước ngoài.

Trước khi Nguyễn Ánh tái chiếm Gia Định, Sài Gòn đã là một trung tâm thương nghiệp có tiếng, và từ khi Nguyễn Ánh ráo riết chuẩn bị hậu cần đánh ra Bắc, việc buôn bán ở Sài Gòn càng thêm tấp nập. Gạo không những là món hàng chủ đạo trong lĩnh vực kinh tế mà còn là phương tiện để trao đổi ngoại giao và chính trị với các nước. Quốc sử quán triều Nguyễn cho biết, “*tháng 4 (1789 - TG), nước Xiêm đại hạn, đói lắm, sai thuyền đến nước ta xin đong gạo; ngài (Ánh) cho hơn 8.800 vuông¹⁰ gạo (được 200 xe Xiêm)*”¹¹. Năm sau (1790), “*nước Tam Hoạt (Nam Dương - TG) sai sứ thần là Giáp Tất Đơn, Điền Hòa sang dâng đồ binh khí. Khi về, Ngài ban cho Quốc trưởng nước ấy một cái tàn vàng, 10.000 cân gạo*” (tức gần 7 tấn)¹². Nhiều tài liệu còn cho biết, gạo Gia Định được chuyên chở qua Thiên Trúc, Manille, Batavia, Malacca bán mà mua hay là đổi lấy súng ống thuốc đạn.

Những lúc không có chiến tranh, mỗi năm có hàng trăm chiếc tàu buôn người Hoa và hàng chục chiếc thuyền buôn của người phương Tây đến trao đổi hàng hóa ở Sài Gòn. Ngoài gạo, khách thương còn mua nhiều loại đặc sản quý giá và một số khá lớn đường cát. Chính quyền đã “*Khiến dinh Trấn Biên hòa mãi đàng cát (nghĩa là mua theo giá thỏa*

thuận), phòng khi đối binh khí cho người Thái Tây”¹³. Còn thuyền buôn lớn nhỏ trong nước, mỗi năm đã có tới cả ngàn chuyến cập bến Sài Gòn.

Sài Gòn xưa cũng là trung tâm công nghiệp khá quan trọng của cả Nam bộ. Nông nghiệp phát triển nhanh, gạo trở thành hàng hóa, thành thị sớm phát triển nên Sài Gòn cũng sớm có công nghiệp. Một số lao động được giải phóng khỏi việc sản xuất lương thực để trở thành thợ thủ công chuyên trách. Thợ thủ công ở Sài Gòn đã có tay nghề cao và được tổ chức thành “ty thợ” nếu phải làm cho nhà nước, thành “phường thợ” nếu được sản xuất tự do. Đa số mặt hàng đã được đáp ứng nhu cầu trong xứ, và một phần được dành cho xuất khẩu được khách nước ngoài rất ưa thích, như đồ trang sức bằng vàng bạc, vật dụng bằng đồng môi, tàu bè đóng mới và sửa chữa, cùng các hóa phẩm như đường cát, bông vải, tơ tằm, vóc đũi, ...¹⁴.

Riêng nghề đóng thuyền đã quan trọng, nhờ sẵn gỗ tốt như sao, trắc, bằng lăng, giáng hương, gỗ, sến, táu, cẩm lai, ... ở ngay rừng kế cận. Thuyền đóng theo yêu cầu trong nước và cả người nước ngoài. Hầu hết thuyền lớn bên Cao Miên đều do thợ người Việt ở Sài Gòn làm ra. Theo Lê Quý Đôn thì dân làng Lý Hòa thuộc Nam Bộ Chính rất quen việc buôn bán “*binh thời vào Gia Định đóng thuyền lớn đến trăm chiếc, mỗi chiếc giá đều hơn nghìn quan*”¹⁵, đem thuyền về làng để buôn bán hoặc bán lại. Riêng một đơn đặt hàng đó đã đáng giá 10 vạn quan, tất phải cần đến một số thợ và lao động chuyên môn không nhỏ.

Hầu hết 62 ty thợ đều tập trung tại Sài Gòn làm việc cho chính quyền hồi 1791, cũng là dấu hiệu cho ta thấy phần nào trình độ công nghiệp Sài Gòn đã tương đối phát triển cách nay đã hơn hai thế kỷ. Công trường thủ công lớn hơn cả có lẽ là Xưởng Thủy ở bờ sông Tân Bình và rạch Thị Nghè (nay là

⁸ Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, Tập Thượng, bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, tr. 38.

⁹ Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Tập Thượng, Sđd, tr. 47.

¹⁰ Vuông tức là gạ. Mỗi gạ nặng 23 kg. Số gạo đó nặng khoảng 2.024 tấn.

¹¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, Cao Xuân Dục (1998), *Quốc triều chính biên toát yếu*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 28.

¹² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Quốc triều chính biên toát yếu*, Sđd, tr. 31.

¹³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Quốc triều chính biên toát yếu*, Sđd, tr. 30.

¹⁴ Huỳnh Ngọc Trảng, *Bến Nghé – Sài Gòn dòng sông thời gian*, Tlđd.

¹⁵ Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 104.

Xưởng Ba Sơn), nơi sản xuất và sửa chữa mọi loại chiến thuyền, nơi đặt lò đúc các hạng súng lớn nhỏ bằng đồng hay bằng gang, nơi tập trung cả ngàn công nhân với nhiều ngành chuyên môn khác nhau¹⁶.

Thủ công nghiệp dân gian với hàng trăm phường thợ sản xuất hàng hóa phục vụ tại chỗ hoặc khách từ xa tới. Một số ngành nghề đã trở nên chuyên nghiệp, gắn liền với các địa danh còn đến bây giờ như hàng Đình, xóm Chiếu, đường Thọ Tiễn, cầu Muối, xóm Cốm, xóm Lá (buông), xóm Lò Rèn, xóm Cầu, xóm Dầu, bến Vạn Đò, xóm Chi, xóm Lò Gốm, xóm Lò Vôi, chợ Đũi, chợ Sồi, xóm Đệm Buồn, xóm Bột, cầu Đường, xóm Châu, xóm Lua,... cho thấy Sài Gòn có truyền thống thủ công nghiệp từ lâu.

Sài Gòn là nơi đầu tiên tiếp thu kỹ thuật phương Tây, rồi phát triển ra cả Nam bộ. Trước hết là kỹ thuật quân sự, như đắp thành Bát Quái theo kiểu Vauban, đóng tàu đồng, đúc súng đạn theo lối phương Tây,... Những kỹ sư phương Tây đưa kỹ thuật mới vào Sài Gòn, chỉ vẽ cho người Việt Nam. Người Việt vốn thông minh nên nhanh chóng tiếp thu được kỹ thuật phương Tây để sản xuất hàng hóa. Nghĩa là họ đã biết đi sâu vào cả lý thuyết lẫn thực hành để có thể tự làm ra sản phẩm.

Từ cuối thế kỷ XVIII, Sài Gòn đã là một trung tâm văn hóa của cả Nam bộ. Khi Gia Định là nơi tập trung đông dân, là đầu mối giao thông trong và ngoài nước, là thủ phủ của chính trị và quân sự, là nơi thương nghiệp và công nghiệp sinh hoạt sầm uất, nên đời sống tinh thần cũng có điều kiện phát triển. Như Trịnh Hoài Đức đã mô tả: *“Gia Định ở Nam Việt đất rộng, vật thực nhiều, không lo sự đói rét, nên nhân dân ít tích lũy, tập tục xa hoa, sĩ khí hiên ngang. Gần mặt trời, thiên khí phần phát, trung chánh văn minh. Nên con người hay chuộng tiết nghĩa, học sách Tứ thư, Ngũ kinh, Thông giám thì tìm hiểu nghĩa lý. Lúc đầu trung hưng đặt chức đốc học, ban bố học quy, mở khoa thi, lối học cử*

*ng nghiệp phát khởi, từ đây lý học cùng văn chương đều thịnh hành tốt đẹp, mà văn phong mới trở dậy”*¹⁷.

Sử sách còn ghi lại tấm gương tiêu biểu của giáo dục Nam bộ vào cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX: thầy giáo Võ Trường Toản. Cụ Toản đã có công lao to lớn trong sự nghiệp đào tạo lớp sĩ phu trẻ cho đất nước. Cụ đã mở trường ở Hòa Hưng (nay thuộc quận 10, Tp. Hồ Chí Minh) và qua đời năm 1792. Cụ Võ không ra làm quan, cũng không đào tạo nhân tài theo lối cử nghiệp, mà chỉ cốt hun đúc sĩ khí là gieo trồng đại nghĩa cho mầm non tương lai của đất nước. Học trò của cụ là những nhân vật nổi tiếng như Ngô Tùng Châu và Gia Định tam gia: Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh, Lê Quang Định,... không chỉ tiếng tăm khắp vùng Gia Định mà cả nước nhiều người biết đến, không những thế, tiếng tăm các vị còn đến với các nước láng giềng.

Có thể nói, trong quá trình hội nhập của Nam bộ với khu vực (và cả với thế giới) vào cuối thế kỷ XVIII và cả thế kỷ XIX, Sài Gòn đã luôn thể hiện vai trò là trung tâm. Xét về mặt chính trị, Sài Gòn – Bến Nghé là thủ phủ của Gia Định thành, một trong hai tổng trấn của Việt Nam thống nhất thời Gia Long. Từ thời Minh Mạng trở về sau, cho dù không còn tổng trấn, thì tỉnh Phiên An vẫn giữ được vị thế trung tâm của cả vùng Nam bộ. Triều đình Huế không thể không quan tâm đến vị trí chiến lược của vùng này, điển hình là sau năm 1835, dù phá bỏ thành Gia Định, nhưng Minh Mạng lại phải cho xây dựng thành Gia Định mới ở đây. Cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi mặc dù tỏa ra khắp các tỉnh Nam kỳ nhưng vẫn lấy thành Phiên An làm “đại bản doanh”, và năm 1859, khi liên quân Pháp – Tây Ban Nha đánh vào phía Nam thì Sài Gòn – Gia Định vẫn là mục tiêu hàng đầu, là trung tâm điểm để mở rộng đánh chiếm khắp cả Nam kỳ Lục tỉnh.

Xét về mặt kinh tế thương mại, rõ ràng Sài Gòn - Bến Nghé đã là trung tâm của cả Nam kỳ. Nó

¹⁶ Huỳnh Ngọc Trảng, *Bến Nghé – Sài Gòn dòng sông thời gian*, Tlđđ.

¹⁷ Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, Tập Hạ, bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, tr. 4.

không những là một thị trường buôn bán tại chỗ mà còn là nơi trung chuyển hàng hóa cho cả vùng trong giao lưu khu vực cũng như thế giới. Với hệ thống phố chợ dày đặc, trong đó có nhiều chợ đầu mối (thu gom, phân phối), cộng với sự năng động của cảng thị Bến Nghé, đã giúp Sài Gòn trở thành trung tâm điếm của sự giao lưu cho toàn khu vực, nhất là khi Cù lao Phố không còn phát huy thế mạnh của nó.

Hoạt động thương mại giữa Sài Gòn - Bến Nghé với các trung tâm thương mại ở Nam bộ, nhất là các trung tâm thương mại ở Đồng bằng sông Cửu Long như Mỹ Tho, Hà Tiên, Long Hồ,... đã góp phần thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ kinh tế - văn hóa các địa phương này, tạo cho Nam bộ một sức sống mới, trù phú và năng động để hội nhập tốt hơn với các vùng miền, với khu vực và thế giới.

Với lợi thế hơn hẳn về nhiều mặt so với các địa phương khác trong vùng, Sài Gòn - Bến Nghé đã tạo được cho mình một hấp lực để thu hút sự giao thương hàng hóa và giao lưu văn hóa với các quốc gia trong khu vực như Indonésia, Malaysia, Singapore, Quảng Đông, Luzon (Philippines), Bornéo, Bangkok,... và với cả phương Tây. Cũng như Cù lao Phố, sau chiến tranh Nguyễn Ánh - Tây Sơn, Phố thị Mỹ Tho lụi dần. Khách thương vốn thường xuyên qua lại ba trung tâm thương mại lớn ở Nam bộ là Mỹ Tho, Hà Tiên và Cù lao Phố dần dần tập trung về Sài Gòn - Bến Nghé.

Trong hồi ký *Chuyến đi đến "Nam Hà"*, John White kể về việc ông đến Sài Gòn vào tháng 10/1819 và tỏ ra rất thích thú với các xưởng đóng tàu ở đây. Ông viết: *"Về phía Đông Bắc, trên bờ sông sâu, người ta thấy một công trường xây dựng và một xưởng đóng tàu thủy quân. Tại xưởng này, thời loạn lạc, người ta đã đóng những chiếc thuyền chiến to lớn có nhiều buồm ..."*

Chỗ đóng tàu này đã tạo danh dự cho người An Nam hơn bất cứ cái gì hiện có trong xứ sở họ. Nó có thể cạnh tranh với những xưởng đóng tàu tốt nhất của châu Âu,... Xưởng đầy ắp vật liệu có phẩm chất tuyệt vời để đóng nhiều hộ tống hạm. Các thứ

gỗ để đóng tàu và những lớp vỏ lòng tàu đều là những thứ đẹp nhất mà tôi chưa bao giờ được thấy...". John White đặc biệt bị thu hút bởi xưởng đóng tàu thủy quân của nhà Nguyễn và cho biết, *"Có khoảng 150 chiếc thuyền chiến được đóng rất tốt nằm dưới các nhà chái... Có một vài chiếc được trang bị đến 16 khẩu đại bác bắn đạn nặng ba cân Anh. Nhiều chiếc khác được trang bị từ bốn đến sáu canon bắn đạn nặng từ 4-12 cân Anh. Tất cả đều bằng đồng và đúc rất đẹp."*

Ngoài ra còn có độ 40 thuyền chiến đang neo đậu trên sông, chuẩn bị tham gia một chuyến tuần thám bất ngờ mà quan Tổng trấn sẽ thực hiện ở miền thượng lưu con sông, ngay lúc ông từ Huế trở về...

*Chắc chắn người An Nam phải là những kỹ thuật gia về hải quân và công trình của họ có một vẻ đẹp khéo léo. Tôi bị ấn tượng rất mạnh bởi ngành này của nền kinh tế chính trị của họ, nên tôi đã đến thăm viếng xưởng đóng tàu rất nhiều lần..."*¹⁸.

Những điều John White viết trong hồi ký của mình một mặt cho thấy sự phát triển hùng mạnh của hải quân Việt Nam dưới thời Gia Long, đồng thời cho thấy đầu thế kỷ XIX, Sài Gòn đã có một bước phát triển về công nghiệp và vì thế mà ông không tiếc lời ca ngợi Sài Gòn là thành phố cảng rất thuận lợi cho giao thương quốc tế, đạt được những thành tựu cao trong công nghệ đóng tàu cũng như kỹ thuật hàng hải.

Năm 1826, R. Purefoy - một thương gia người Anh nhớ và viết lại những gì ông chứng kiến về vùng đất Sài Gòn trong những năm ông đến buôn bán ở đây (1800, 1807) và đăng trong tập san Á châu vùng Ấn và phụ cận như sau:

"Sài gòn chính thật ra, hay như người bản xứ phát âm, Thai Gone, nằm ở phía trên một nhánh nhỏ của con sông, khoảng tám hay mười dặm Tây Bắc của Bến Nghé, là cảng chính của thương mại."

¹⁸ John White (1824), *Chuyến đi đến "Nam Hà"*, London. Dẫn theo "Sài Gòn xưa trong mắt người nước ngoài", nguồn: <https://vi-vn.facebook.com>, tr. 185 - 186

Thành phố này lớn đáng kể, được xây chủ yếu bằng gạch: nơi đây là các nhà thương gia chủ yếu của đất nước này cư ngụ.

Người Bồ Đào Nha ở Macao đã giao thương độc quyền ở cảng này từ nhiều năm trước 1800, nên khi một tàu Anh đến đây từ Madras, sự ghen ghét của họ dao động lên cao đến độ họ viết thư lên tổng trấn Sài Gòn nói là họ coi họ mang nhiều ơn lớn với ngài vua đang trong nên báo cho ngài biết về sự nguy cơ to lớn khi cho phép những tàu người Anh vào bất cứ cảng nào trong xứ, và bảo đảm với ngài là người Anh đến dựng cơ là thương mại nhưng kỳ thực là học biết thông tin về nước này để làm đề dàng sau này ý định xâm chiếm, và trong dịp này họ cũng nói về những thuộc địa của chúng ta ở Ấn Độ. Con trưởng của nhà vua lúc đó là tổng trấn Sài Gòn; ông ta không để ý gì đến bức thư này; rõ ràng ông ta thấy là các tác giả bức thư chỉ có các động cơ tư lợi riêng, bởi vì họ chẳng mang ra được chứng cứ gì về những điều họ nói, và trong lúc tra hỏi ở hội đồng họ đã có ý trái nghịch lẫn nhau.

Vị hoàng tử này, là một người trai trẻ thông minh, nói tiếng Pháp lưu loát, đã được mang qua Pháp khi còn nhỏ bởi giám mục D'Adran, một phần được giáo dục ở Paris. Ông ấy mất vì bị bệnh đậu mùa năm 1802”.

(...) “Những sản phẩm chính của tỉnh này là trầu (betel-nut) gồm ba loại, đỏ, trắng và một loại nhỏ, mà ở Trung Quốc có nhu cầu rất lớn, đường, gạo, tiêu, quế, bạch đậu khấu (cardamom), lụa, vải, sừng tê giác và nai, thoi vàng và bạc, ngà voi, và cá khô với số lượng lớn hàng năm được nhập vào Quảng Đông và các cảng khác ở Trung Quốc. (...). Năm 1801, lượng trầu xuất khẩu đạt tới 135000 peculs (1 pecul hay tạ Trung quốc tương đương với 68kg).

Lương thực rất rẻ ở cảng Sài Gòn, nơi đây có bán ba loại gạo, gạo trắng, gạo đỏ và gạo đen; hai loại gạo sau được nghe nói là có đặc tính bổ tốt cho sức khỏe. Họ sấy thịt heo ở đây bằng một quá trình

bí mật, làm thịt heo khô có thể được mang lên tàu và dự trữ được rất lâu, ...”¹⁹.

Những nội dung mà R. Purefoy cung cấp cho thấy vùng Sài Gòn bấy giờ cũng như một số tỉnh chung quanh rất dồi dào sản vật cả nông nghiệp, hải sản cũng như lâm sản, nhiều thứ đã trở thành hàng hóa và Sài Gòn vừa là nơi tập trung vừa cung cấp hàng hóa cho các địa phương cũng như xuất khẩu đi nhiều nơi trên thế giới.

2. Dưới thời Pháp thuộc

Thực dân Pháp chiếm Sài Gòn rồi mở rộng ra chiếm đóng Nam bộ và cả nước. Người Pháp đã nhanh chóng đưa những yếu tố văn minh phương Tây vào Việt Nam mà trước hết ở Nam kỳ. Sau khi đánh chiếm thành Gia Định (1859), Pháp đã đổi tên thành phố Chợ Lớn (khu vực quận 5) và phố thị Bến Nghé (hay khu vực phố thị Bến Thành) là thành phố Sài Gòn. Thành Gia Định (tức thành Phụng) Pháp cũng gọi là thành Sài Gòn. Ngày 08/1/1877, tổng thống Pháp Mac Mahon ra “Sắc lệnh về tổ chức cấp thành phố của Thành phố Sài Gòn” (nguyên văn: *Dercet concernant l'organissation municipale de la Ville de Saigon*), ban hành ngày 16 tháng 5 năm 1877. Theo đó, thành phố Sài Gòn được nâng cấp thành công xã (nguyên văn *La Ville de Saigon est éigée en commune*). Thời kỳ này, địa giới của thành phố Sài Gòn đã được mở rộng hơn: phía tây nam đến khu vực Cầu Ông Lãnh, phía đông bắc đến khu công viên Lê Văn Tám hiện nay²⁰. Đầu thế kỷ XX, Chợ Lớn sáp nhập vào thành phố Sài Gòn và Sài Gòn trở thành đô thị lớn nhất xứ Đông Dương thuộc Pháp²¹.

¹⁹ R. Purefoy, *Cursory remarks on Cochinchina*, The Asiatic journal and monthly register for British India and its dependencies, Vol. 22, pp. 143-147, pp. 652-655 London, 1826. Dẫn theo Nguyễn Đức Hiệp, *Saigon - Chợ Lớn: thế kỷ 17 đến thế kỷ 19 - Phần I*, nguồn: <http://www.diendan.org>

²⁰ Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, *Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh*.

²¹ Theo Nguyễn Minh Hòa, “Khả năng hội nhập khu vực và quốc tế của Sài Gòn – Tp. Hồ Chí Minh nhìn từ khía cạnh công nghệ và kỹ thuật”, Chuyên đề Hội thảo Nam bộ lần thứ 2 thuộc Đề án Khoa học xã hội cấp Nhà nước *Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam bộ*, Chủ nhiệm: GS. Phan Huy Lê, Cơ quan chủ trì: Hội Khoa học lịch sử Việt Nam.

Sài Gòn là nơi tiếp thu nhanh chóng và sớm nhất các thành tựu khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới của phương Tây và áp dụng vào điều kiện cụ thể của mình. Chính Sài Gòn là nơi ra đời sớm nhất và nhanh chóng tạo nên một nền tảng công nghiệp theo hướng hiện đại hóa trong cả nước và khu vực. Đặc trưng của công nghiệp ở Sài Gòn là phát triển theo hướng công nghiệp nhẹ, sản xuất hàng tiêu dùng, hướng đến thị trường xuất khẩu.

Công nghiệp ở Sài Gòn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX tuy chưa phát triển bằng các nước châu Âu về cả qui mô lẫn trình độ, “*nhưng so với cả nước và các nước lân cận trong khu vực nó đã có một vị trí nhất định. Nếu lấy năm 1800 làm mốc đánh dấu sự ra đời chính thức và đầy đủ của hai yếu tố “thành” và “thị” của thành phố này và những yếu tố của công nghiệp hiện đại ra đời năm 1860 thì quả thật công nghiệp của Sài Gòn phát triển khá nhanh, đi qua giai đoạn công trường thủ công và sản xuất nhỏ trong một thời gian rất ngắn, chỉ chừng 60 năm. Một quãng thời gian mà nhiều thành phố khác trong cả nước và trong khu vực không dễ gì đạt được. Nó không còn là thứ công nghiệp nhỏ bé, rời rạc, yếu ớt mà đã hình thành nên một nền tảng công nghiệp đa ngành, sản phẩm đa dạng hướng tới thị trường một cách rất rõ rệt. Những người lao động trong các nhà máy đã đủ để hình thành nên một đội ngũ công nhân tiên tiến, mạnh về số lượng và chất lượng. Các nhà quản lý ở các nhà máy, công xưởng có đủ trình độ quản lý các doanh nghiệp có qui mô vừa và nhỏ một cách thuần thục. Mặc dù chưa phải là hiện đại như châu Âu, nhưng nền công nghiệp Sài Gòn đã phát triển theo hướng hiện đại hóa và dần hoàn thiện để tiếp cận đến trình độ khu vực và quốc tế không chỉ trong công nghệ, kỹ thuật mà còn ở trình độ quản lý*”²².

Sự phát triển công nghiệp đã tác động mạnh mẽ đến sự hình thành ý thức giai cấp công nhân, tác phong lao động của người dân ở thành phố Sài Gòn.

Đồng thời đã làm cho người dân Sài Gòn tiếp cận nhanh đến văn minh đô thị trong phong cách làm việc, trong việc ăn ở, đi lại cũng như trong quan hệ xã hội. Tác phong nhanh nhẹn, dứt khoát, năng động, kỷ luật, trật tự, biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng qui tắc cộng đồng của một bộ phận không nhỏ người dân Sài Gòn một phần được tạo ra từ nền kinh tế công nghiệp được hình thành mạnh mẽ vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Từ năm 1858 đến 1906 ở Việt Nam đã có khoảng 200 nhà máy, công ty do người Pháp xây dựng. Đội ngũ công nhân công nghiệp Việt Nam đã lên đến khoảng 55.000 người. Riêng Sài Gòn – Chợ Lớn con số này là 25.000 (chiếm gần 10% dân số /240.000 người).

So với một số thành phố của các quốc gia láng giềng thì công nghiệp ở thành phố Sài Gòn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tiến bộ hơn. Chẳng hạn, vào năm 1890 khi Sài Gòn đã là một trung tâm kinh tế sầm uất thì “*Kuala Lumpur, lúc này vẫn còn là một khu định cư nhỏ bé với 2.000 người, mà thành phần chủ yếu là những thợ khai thác mỏ người Trung Quốc... Vào thời kỳ này đường phố còn rất nhỏ hẹp, lầy lội với phương tiện giao thông chính là ngựa, xe bò, các khu nhà ở làm bằng gạch, cửa hàng mặt phố bắt đầu xuất hiện vào khoảng từ năm 1905 đến 1915. Cho đến năm 1891 dân số của Kuala Lumpur tăng lên 19.020 người. Tuy nhiên sự gia tăng dân số này chưa tạo ra được sự thay đổi về chất. Khoảng 10 năm sau (1901) tuy dân số có tăng lên gần gấp đôi, nhưng nó vẫn còn là một thị trấn nhỏ bé với số dân khoảng 32.000 người*”²³. Thành phố Sài Gòn phát triển cao hơn nhiều lần so với các thành phố khác cùng thời đó như Yangon (Myanma), Vientiane (Lào), Phnom Penh (Cambodia). So với Bangkok, Manila và Jakarta thì Sài Gòn không hề thua kém, cho dù nó chỉ là một thành phố địa phương, không phải là thủ đô²⁴.

²³ Nguyễn Minh Hòa (2005), *Vùng đô thị Châu Á và Tp. Hồ Chí Minh*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, tr. 106 - 107.

²⁴ Nguyễn Minh Hòa, “Khả năng hội nhập khu vực và quốc tế của Sài Gòn – Tp. Hồ Chí Minh nhìn từ khía cạnh công nghệ và kỹ thuật”, Sdd.

²² Nguyễn Minh Hòa, “Khả năng hội nhập khu vực và quốc tế của Sài Gòn – Tp. Hồ Chí Minh nhìn từ khía cạnh công nghệ và kỹ thuật”, Sdd.

Một Sài Gòn mới mẻ được tạo ra từ phía người Pháp. Sau khi chiếm được toàn bộ Nam kỳ năm 1867, Pháp đổ nhiều công sức để xây dựng Sài Gòn thành thủ phủ của cả miền nam Đông Dương. Một trong các tiêu điểm quan trọng là xây dựng hệ thống giao thông nội ô. Cho đến năm 1883, toàn thành phố đã có 55 đường phố với tổng chiều dài là 25km. Lúc đầu đường phố chỉ bằng đất nện, sau đó rải đá dăm. Từ năm 1870 bắt đầu trồng cây hai bên đường, một số con đường được trồng các loại cây quý và thống nhất như dầu, sao, lim,... (cho đến bây giờ vẫn còn trên nhiều con đường đó như Nguyễn Du, Lê Thánh Tông, Trương Nguyệt Anh, Ngô Gia Tự, Huyền Trân Công Chúa,...). Năm 1873 chính quyền thành phố Sài Gòn cho tiến hành xây, lát vỉa hè bằng loại đá khối xanh ở trên nhiều tuyến đường trung tâm thành phố (ngày nay chúng ta vẫn còn thấy những loại đá này ở các con đường Lý Tử Trọng, Lê Thánh Tông, Nguyễn Du, Đồng Khởi,...).

Giao thông là huyết mạch của kinh tế. Năm 1881 Pháp bắt đầu làm đường xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho, Năm 1881, khởi công tuyến xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho dài 71 km (đưa vào sử dụng 20.7.1885) và năm 1910 Sài Gòn được nối với Nha Trang bằng đường xe lửa. Năm 1882, khánh thành và đưa vào khai thác đường xe điện Sài Gòn - Chợ Lớn dài 5km rộng 1 mét (năm 1882); năm 1889 xây dựng tuyến xe điện Sài Gòn - Gò Vấp - Hóc Môn chạy bằng hơi nước (bắt đầu khai thác từ ngày 17/9/1897 và năm 1913 chạy bằng điện). Pháp cho bắc hai cầu lớn qua sông Vàm Cỏ. Năm 1902, cầu Bình Lợi được xây dựng. Năm 1867 có hệ thống chiếu sáng đường phố (lúc đầu dùng dầu dừ, năm 1869 dùng dầu hỏa, năm 1873 dùng gas, mãi đến năm 1900 mới có đèn đường bằng điện, về sau số lượng các con đường có sử dụng đèn chiếu sáng ngày càng nhiều hơn khi có nhà máy điện ra đời năm 1909),...

Cảng Sài Gòn được thành lập vào ngày 22/2/1860 với tên gọi Thương cảng Sài Gòn nằm dọc theo sông Sài Gòn, cách biển 45 dặm (83km) với tổng diện tích 3.860.000m² nhằm phục vụ cho

công cuộc thực dân của Pháp²⁵. Gọi là Thương cảng, nhưng thực ra mục đích của việc xây dựng cảng Sài Gòn trước hết là để phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, sau nữa là để đón thương thuyền của Pháp và các nước châu Âu trong việc xuất cảng lúa gạo, nông sản ở Nam kỳ sang các nước. Có thể nói, cảng Sài Gòn đã góp phần quan trọng biến Sài Gòn thành một đô thị thương cảng nổi tiếng ở vùng Đông Nam Á và Đông Bắc Á. Dưới thời Pháp thuộc, cảng Sài Gòn trở thành một trong những thương cảng hàng đầu trong các quốc gia thuộc địa của Pháp.

Nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật được xây dựng theo hướng hiện đại hóa ở Việt Nam, tạo nên dấu ấn sâu sắc. Người Pháp cũng chú ý phát triển các dịch vụ xã hội, tuy còn rất nhỏ bé và sơ khai nhưng có một ý nghĩa quan trọng, phục vụ cho đời sống của nhân dân Sài Gòn như cấp nước, điện lực,...²⁶.

Năm 1873 hình thành nên hệ thống cấp nước sạch cho một vài khu dân cư cao cấp bằng tháp nước thấp; năm 1879 hoàn thành việc xây cất tháp nước cao hình cây nấm ở Sài Gòn bằng Beton cốt sắt; năm 1882 nhà máy cung cấp nước sạch được khánh thành.

²⁵ Đầu thế kỷ XX, Việt Nam có 2 cảng lớn mà tàu viễn dương có thể vận chuyển hành khách và hàng hóa ra nước ngoài, nhất là đến Pháp: cảng Sài Gòn (1860) và cảng Hải Phòng (1876). Có ý kiến cho rằng, cảng Sài Gòn được xây dựng từ năm 1862 hoặc 1863 và hoàn thành năm 1866. TS. Lê Huỳnh Hoa và PGS.TS. Nguyễn Minh Hòa lấy mốc 1860, có lẽ là dẫn theo P.Boudet (1941), L'Indochine dans l'apassé, Hanoi và Nguyễn Thế Anh (1970), Việt Nam thời Pháp đô hộ. Cảng Sài Gòn là một quần cảng hạng nhất của thực dân Pháp ở Đông Dương, về mặt vị trí chiến lược cũng như về tổ chức, trang bị và đứng thứ 12 trong số các quần cảng của Pháp, đồng thời là một cảng thương mại ngày càng trở thành bộ phận chủ yếu trong đời sống, trong sự phát triển và biến đổi kinh tế của Nam kỳ. Năm trong xứ Nam kỳ thuộc địa của Pháp nên cảng Sài Gòn được xếp vào danh sách các cảng của nước Pháp thuộc hệ thống cảng biển quốc tế. Theo Lê Huỳnh Hoa, Hành trình cứu nước và sự ra đời của Việt Nam dân chủ cộng hòa. Nguồn: Thanhnien.vn.

²⁶ Hệ thống điện và nước sạch này ban đầu chủ yếu dành cho người Pháp, các quan chức cao cấp và người Việt giàu có, một phần điện, nước sạch cung cấp cho các hoạt động dịch vụ công ích (tuy còn hạn chế). Sau năm 1920, các dịch vụ này mở rộng dần đến nhân dân theo hướng lan tỏa ra từ hai trung tâm Sài Gòn và Chợ Lớn với các loại dịch vụ sử dụng phải trả tiền.

Chợ Bến Thành (có từ trước 1859); Thảo Cầm Viên được Pháp xây dựng vào năm 1864 và hoàn tất vào năm 1865 trên diện tích rộng 12ha, trong khuôn viên có Bảo tàng Lịch sử Thành phố (vốn là Viện Bảo tàng Blanchard de La Brosse xây dựng vào năm 1927, gần đây là Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam ở Thành phố Hồ Chí Minh) mà ngày nay vẫn là nơi được đánh giá là tốt nhất và hấp dẫn nhất cho người dân thành phố; năm 1877-1880 xây dựng nhà thờ Đức Bà bằng beton cốt thép theo phong cách Gothic; năm 1863 khánh thành Sở Bưu điện, phát hành con tem đầu tiên và hệ thống chuyển phát thư, năm 1886-1891 xây dựng nhà bưu điện thành phố, năm 1889 lập dây điện thoại đầu tiên ở Đông Dương, năm 1898 chính quyền thực dân Pháp cho xây dựng dinh Xã Tây làm trụ sở của bộ máy cầm quyền của thành phố gọi là Tòa Đô chánh Sài Gòn (hoàn thành năm 1909) nay là Trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; năm 1881-1885 xây dựng tòa án; năm 1882 thành lập thư viện Sài Gòn; năm 1885 xây dựng khách sạn Continental; Hội trường Thống nhất ngày nay (dinh Độc lập của chế độ Cộng hòa ở Sài Gòn trước 1975), vốn là dinh Norodom; Nhà hát Thành phố (trụ sở Hạ nghị viện của chế độ cũ), trước là Nhà hát Tây (Opéra) xây dựng năm 1889; Viện Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố (xây năm 1920) vốn là nhà riêng của tỷ phú Hui Bon Hoa (Hứa Bồn Hoa, quen gọi là Chú Hỏa) được xây dựng cuối thế kỷ XIX; Viện Bảo tàng Cách mạng Thành phố, vốn là tư dinh của các Thống đốc Nam kỳ xây năm 1885 (sau thành dinh Gia Long trước khi trở thành Tối cao Pháp viện (1964-1975) của chế độ Việt Nam Cộng hòa,...

Có ý kiến cho rằng, để thành lập một thuộc địa, người Anh bắt đầu bằng túi tiền, người Tây Ban Nha bằng một nhà thờ, người Pháp bằng một quán cà phê. Điều đó có lẽ không sai. Bởi vào giữa thế kỷ XIX, ở Sài Gòn đã xuất hiện nhiều quán cà phê. Đầu tiên thực dân Pháp cho xây dựng một quân y viện để chữa trị cho các thương binh của họ. Cùng với sự ra đời quân y viện (trước năm 1861), cà phê cần tìm xuất hiện. Tiếp đó là những quán cà phê mọc

lên ngoài đường phố. Theo tài liệu sách báo thì có hai quán cà phê đều ra đời năm 1864. Đó là quán Café Lyonnais tọa lạc ở đường Gouvernement, gần ụ chiến hạm Primauguet²⁷, và quán Café de Paris (trong đó có Câu lạc bộ thương mại) ở tại bến sông, góc đường số 16 (nay là đường Đồng Khởi), chủ nhân là ông Bonneriuux²⁸.

Kỹ thuật in cũng được du nhập vào Sài Gòn từ giữa thế kỷ XIX. Nhà in Impériale là nhà in đầu tiên ở Sài Gòn được thành lập vào năm 1862, trụ sở đặt ở góc đường Hai Bà Trưng - Nguyễn Du hiện nay (đường Hai Bà Trưng xưa có tên là đường Impériale). Đây là một chi nhánh của nhà in cùng tên bên Pháp. Năm 1870, nhà in này trở thành Imprimerie Nationale²⁹.

Cùng với sự ra đời của nhà in, báo chí cũng xuất hiện ở Sài Gòn. Gia Định báo là tờ báo Tiếng Việt đầu tiên ra đời ở Sài Gòn ngày 15.4.1865, do người Pháp là Ernest Potteau chịu trách nhiệm xuất bản và phát hành (theo Nghị định 1/1/1865). Thời gian đầu, báo ra mỗi tháng một kỳ vào ngày 15. Mục đích của tờ báo in bằng chữ Annam theo chữ cái La tinh này là *“nhằm phổ biến trong người dân bản xứ những tin tức đáng cho họ quan tâm, và cho họ những kiến thức về những vấn đề mới có liên quan đến văn hóa và những tiến bộ về nông nghiệp...”*. Trương Vĩnh Ký là người viết báo Tiếng Việt đầu tiên ở nước ta³⁰.

Sự thâm nhập của văn hóa phương Tây đối với vùng đất này thực sự trở nên mạnh mẽ, làm biến đổi về lượng lẫn về chất từ khi vùng đất này trở thành thuộc địa của Pháp³¹.

²⁷ Theo tên đường cũ này thì đó là đường Lý Tự Trọng, song có lẽ chính xác hơn là quán này tọa lạc ở đường Ngô Văn Năm hiện nay.

²⁸ Quán này còn lưu lại dấu vết đến năm 1905 tại đường Paul Blanchy (Hai Bà Trưng), số 83, chủ nhân tên là Vital.

²⁹ Đến nay, một cái biên nhà in thời đó còn bảo tồn là “Imprimerie de Mission – 1864-1951” ở bên trong nhà thờ Tân Định.

³⁰ Huỳnh Ngọc Trảng, *Bến Nghé - Sài Gòn dòng sông thời gian*, Tlđđ.

³¹ Huỳnh Ngọc Trảng, *Bến Nghé - Sài Gòn dòng sông thời gian*, Tlđđ.

Sau khi chiếm được toàn cõi Nam kỳ, ngày 14/11/1874, Thống đốc Nam kỳ, Chuẩn Đô đốc Pháp Jules François Emile Krantz (1821-1914) đã ký nghị định thành lập một ngôi trường trung học tại Sài Gòn nhằm phục vụ nhu cầu đào tạo con em những thực dân người Pháp tại Sài Gòn. Chương trình giảng dạy theo chính quốc, dạy từ tiểu học đến tú tài (chương trình Pháp). Trường sở được khởi công xây dựng ngay vào năm 1874 nơi mà xưa kia là rạp hát bội của Lê Văn Duyệt và hoàn tất vào năm 1877. Lúc đầu trường có tên Collège Indigène de Saigon (Trung học bản xứ Saigon), không lâu sau được đổi tên thành Collège Chasseloup Laubat, theo tên Bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại (còn gọi là Bộ Thuộc địa). Ban đầu, trường chỉ nhận các học sinh người Pháp, đến đầu thế kỷ XX thì mở rộng để nhận thêm học sinh người Việt có quốc tịch Pháp. Nhiều nhân vật nổi tiếng không chỉ có tầm ảnh hưởng đối với Nam kỳ mà đối với Việt Nam và cả thế giới đã từng học tập ở ngôi trường này.

Từ năm 1879 bắt đầu đánh số nhà phố thông theo thông lệ bên phải là chẵn, bên trái là lẻ và được bắt đầu với số nhỏ từ rạch Thị Nghè hoặc bờ sông Sài Gòn. Các con đường được đặt tên và chủ yếu mang tên Pháp.

Những công trình trên đây có ý nghĩa to lớn bởi chúng được hình thành trên cơ sở ý tưởng hiện đại hóa, chứng tỏ sự tiệm cận với các dịch vụ mang dấu ấn của văn minh phương Tây.

Văn minh Pháp, rộng hơn là văn minh phương Tây đi qua Sài Gòn để rồi lan tỏa ra khắp các vùng miền ở Nam bộ và cả nước ta. Lối sống Tây, những công trình kiến trúc kiểu Pháp đã ngày càng phổ biến đến tận cùng phía nam Tổ quốc vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và cùng với nó là sự xuất hiện các chàng công tử nổi tiếng ăn chơi (Bạch Công tử Mỹ Tho, Hắc Công tử Bạc Liêu,...).

Cuộc sống cộng cư của các tộc người đã vẽ nên một bức tranh sinh động, đa dạng và phong phú về cả văn hóa vật chất lẫn tinh thần. Tiến sĩ Lê Văn Hảo trong một bài viết trên website có nhận định:

“Vài chục năm sau khi Pháp sang đô hộ, Sài Gòn đã mau lẹ tiếp thu văn minh Tây Âu để trở thành một Hòn ngọc Viễn Đông, và ở Đông Nam Á, Sài Gòn chỉ đứng sau Singapore và Hongkong nhờ cảng sông thuận lợi và khả năng sản xuất dồi dào lúa gạo, cao su, hoa lành, trái ngọt. Trên đường phát triển người Việt ở Sài Gòn đã khéo sát cánh với người Ấn (Chà Và), người Khmer Nam bộ và nhất là người Hoa bình dân đến từ miền Nam Trung Hoa để làm cho Sài Gòn và Nam bộ ngày càng giàu đẹp về vật chất lẫn tinh thần”³². TS. Lý Tùng Hiếu đã có lý khi nhận định rằng, “Trong thời kỳ cận đại, Sài Gòn có nhiều nhà thơ, nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu nổi tiếng, như Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị, Trần Chánh Chiểu, Sương Nguyệt Anh, Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, v.v. Các sản phẩm văn hoá gốc phương Tây như chữ Quốc ngữ, nhà in, báo chí, tiểu thuyết, thơ mới, trường học kiểu phương Tây, Âu phục... đều được phổ biến ở Sài Gòn trước tiên rồi mới lan đến các vùng miền còn lại”, và “Sài Gòn là một tiểu vùng văn hoá đô thị hình thành do hấp thu, tái tạo các luồng ảnh hưởng văn hoá lớn của Việt Nam và thế giới, có những đặc trưng tiêu biểu cho văn hoá Nam Bộ nói chung”³³.

Thay lời kết

Sài Gòn từ khi là một bộ phận lãnh thổ của Việt Nam, luôn là một địa phương đứng ở vị trí trung tâm của vùng đất Nam bộ trên nhiều phương diện. Có thể nói, với vị thế tiên phong, Sài Gòn đã góp phần quan trọng trong việc đưa cả Nam bộ và nước ta hội nhập mạnh mẽ vào khu vực và thế giới vào thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

³² Lê Văn Hảo, *Gia Định - Bến Nghé - Sài Gòn giữa lòng đại vùng văn hóa Nam Bộ*.

Nguồn: <http://www.travelatvietnam.com>

³³ Lý Tùng Hiếu, *Văn hóa Nam Bộ: Phiên bản mới của văn hóa truyền thống Việt Nam*, Kỳ yếu Hội thảo khoa học *Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập*, do UBND tỉnh Đồng Nai, Ban Chủ nhiệm Chương trình KX.03/06-10 và Khoa Văn hoá học Trường ĐH KHXH-NV, ĐHQG-HCM tổ chức, Biên Hoà, 17-19/9/2009.

Lịch sử Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh là một dòng chảy, vị thế trung tâm của Sài Gòn - Gia Định luôn thể hiện trong suốt tiến trình phát triển của mình và ngày nay, Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố lớn nhất Việt Nam xét về quy mô dân số và mức độ đô thị hóa, đồng thời Thành phố Hồ Chí Minh là đầu tàu kinh tế và là một trong những

nền văn hóa, giáo dục quan trọng của đất nước, Thành phố Hồ Chí Minh cùng với thủ đô Hà Nội là hai đô thị đặc biệt của Việt Nam. Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ vị trí đầu tàu của cả nước.

Saigon in the process of South Vietnam's integration into the area in nineteenth century

- **Tran Thuan**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

From the beginning to open up the southern land, Saigon has soon represented as the center of the whole Southern with a strong pervasion. Saigon has also received the influence of Western Civilization in order to urbanize rapidly. In the nineteenth century, Saigon had a strong integration and became the motive force in leading the South Vietnam

to integrate into the area and the world. The French colonialism invaded Gia Dinh and invested to establish Saigon as the administrative centre, the capital of Southern. They turned Saigon into the international trade center. Saigon changed its look and quickly became "Pearl of the Far East".

Keywords: Saigon, Saigon-Cholon, Gia Dinh Citadel, Phien An Citadel, Gia Dinh News, Saigon Port, Notre-Dame Cathedral, Saigon Post Office

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thế Anh (1970), *Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ*, Lửa thiêng, Sài Gòn.
- [2]. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, *Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh*.
- [3]. Choi, Byung Wook (2004), *Southern Vietnam under the reign of Minh Mạng (1820 - 1841): central policies and local response*. p. 40. SEAP Publications.
- [4]. Crawford, *Journal of an Embassy from the Governor general of India to the Court of Stam and Cochin China*, 2d ed, London, 1830 vol.II.
- [5]. Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6]. Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn.
- [7]. Lê Văn Hảo, *Gia Định - Bến Nghé - Sài Gòn giữa lòng đại vùng văn hóa Nam Bộ*. Nguồn: <http://www.travelatvietnam.com>

- [8]. Nguyễn Đức Hiệp, *Saigon – Chợ Lớn: thế kỷ 17 đến thế kỷ 19 – Phần I*, nguồn: <http://www.diendan.org>.
- [9]. Nguyễn Minh Hòa (2005), *Vùng đô thị Châu Á và Tp. Hồ Chí Minh*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, tr. 106 - 107.
- [10]. Nguyễn Minh Hòa, “Khả năng hội nhập khu vực và quốc tế của Sài Gòn – Tp. Hồ Chí Minh nhìn từ khía cạnh công nghệ và kỹ thuật”, Chuyên đề Hội thảo Nam bộ lần thứ 2 thuộc Đề án Khoa học xã hội cấp Nhà nước *Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam bộ*, Chủ nhiệm: GS. Phan Huy Lê, Cơ quan chủ trì: Hội Khoa học lịch sử Việt Nam.
- [11]. Lý Tùng Hiếu, Văn hóa Nam Bộ: Phiên bản mới của văn hóa truyền thống Việt Nam, Kỳ yếu Hội thảo khoa học Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập, do UBND tỉnh Đồng Nai, Ban Chủ nhiệm Chương trình KX.03/06-10 và Khoa Văn hoá học Trường ĐH KHXH-NV, ĐHQG-HCM tổ chức, Biên Hoà, 17-19/9/2009.
- [12]. Lê Huỳnh Hoa (2001), *Cảng Sài Gòn và biến đổi kinh tế Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1864-1945)*. Luận án Tiến sĩ Sử học.
- [13]. Lê Huỳnh Hoa, *Hành trình cứu nước và sự ra đời của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*. Nguồn: Thanhnien.vn.
- [14]. John White (1824), *Chuyến đi đến “Nam Hà”*, London. Nguồn: “Sài Gòn xưa trong mắt người nước ngoài”, <https://vi-vn.facebook.com>.
- [15]. Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb. Văn học.
- [16]. Trần Văn Giàu (Cb, 1987), *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, tập I: *Lịch sử*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
- [17]. Huỳnh Lứa (2000), *Góp phần tìm hiểu vùng đất Nam Bộ các thế kỷ XVII, XVIII, XIX*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [18]. Huỳnh Minh (2006), *Gia Định xưa*, Nxb. Văn hóa – Thông tin.
- [19]. Nhiều tác giả (2007), *Sài Gòn xưa và nay*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [20]. Quốc sử quán triều Nguyễn (1963), *Đại Nam thực lục*, Chính biên, quyển 43, tập 1, Nxb. Sử học, Hà Nội.
- [21]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Quốc triều sử toát yếu. Phần Chính biên*, Nxb. Văn học.
- [22]. Quốc sử quán triều Nguyễn, Tổng tài Cao Xuân Dục (2007), *Quốc triều chính biên toát yếu*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- [23]. Nam Xuân Thọ (1957), *Võ Trường Toàn*, Tân Việt, Sài Gòn.